

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH, THỰC HIỆN TĂNG TRƯỞNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

Nguyễn Duy Thực*

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

**Email: duythucdhqn@gmail.com*

Ngày nhận bài: 09/5/2018; Ngày chấp nhận đăng: 24/8/2018

TÓM TẮT

Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững là mục tiêu phấn đấu của mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế còn là mục tiêu sống còn của các nước, địa phương nghèo và các nước có thu nhập trung bình thấp như Việt Nam. Bài báo này đã phân tích tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định giai đoạn 2010-2016 chủ yếu phụ thuộc vào vốn, đóng góp của công nghệ còn rất khiêm tốn. Nghiên cứu này cũng đề xuất bảy giải pháp tăng trưởng kinh tế cho tỉnh Bình Định trong bối cảnh Cách mạng 4.0 đang diễn ra trên thế giới.

Từ khóa: Kinh tế, tăng trưởng, mô hình, Bình Định, cách mạng 4.0.

1. GIỚI THIỆU

Bình Định là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, phát triển kinh tế của tỉnh còn gặp nhiều trở ngại. Kinh tế Bình Định nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung là nền kinh tế mở, nhỏ. Theo đánh giá của các chuyên gia, các địa phương này có khả năng hấp thụ khá hạn chế về nguồn lực vật chất và con người mới, phải đối mặt với những hạn chế về hội nhập quốc tế, tăng trưởng dưới mức tiềm năng.

Nghiên cứu này thảo luận về thực trạng tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định và thách thức, cơ hội đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong bối cảnh Cách mạng 4.0 đang diễn ra trên thế giới.

Bài báo sử dụng số liệu kinh tế của tỉnh Bình Định và các mô hình tính toán quen thuộc để đánh giá tăng trưởng kinh tế Bình Định từ năm 2010 đến năm 2016.

Trái ngược với những tiến bộ trong lý thuyết tăng trưởng và phát triển, các phân tích tăng trưởng dài hạn và hoạch định chính sách ở nhiều nước đang phát triển vẫn chủ yếu dựa vào các mô hình, thảo luận định tính hoặc định lượng, dựa trên các mô hình hoạch toán với số liệu đơn giản dễ thu thập. Trong quá khứ, một số khó khăn đã dẫn đến những thiếu sót này là: thiếu số liệu đủ và đáng tin cậy, chi phí tính toán cao và thiếu năng lực kỹ thuật.

Phương pháp kinh điển để thực hiện các nghiên cứu này một cách nhất quán - có nghĩa là cân bằng các xung đột giữa bên ngoài và bên trong và các điều kiện xuyên suốt - là để đưa chúng vào khuôn khổ của mô hình Ramsey-Cass-Koopmans [1]. Tuy nhiên, hầu hết công việc thực nghiệm sử dụng khuôn khổ này mô tả các mô hình trạng thái ổn định của nền kinh tế đóng, do đó thiếu một số đặc điểm cơ bản của các nước đang phát triển, đó là: các nền kinh tế mở nhỏ; có khả năng hấp thụ khá hạn chế về nguồn lực vật chất và con người mới; tín dụng bị ràng buộc trong các thị trường tài chính quốc tế; và xa trạng thái ổn định.

Để giải thích các tính năng này theo cách đơn giản nhất, nghiên cứu này trình bày mô hình kinh tế mở nhỏ theo Ramsey-Cass-Koopmans [1] với sự tích lũy vốn vật chất và con người, với chức năng khả năng hấp thụ tương đối đơn giản. Bài báo thảo luận từng phương trình mô hình, biến số và tham số từ quan điểm thực nghiệm, chú ý đặc biệt đến các vấn đề về tính sẵn có của thông tin và các vấn đề ước lượng tham số cho các nền kinh tế đang phát triển.

2. MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG: CÁC BIẾN, PHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ THỰC NGHIỆM

Có thể thấy rằng các yếu tố sản xuất (vốn (K), lao động (L), nguồn nhân lực (H) và công nghệ (A)) tạo ra dòng chảy sản lượng. Một phần của sản lượng này được tiêu thụ (C) bởi lực lượng lao động, và phần không tiêu thụ (tức là đã lưu trữ) có thể được đầu tư bằng vốn (IK) hoặc bằng nguồn nhân lực (IH). Cả hai loại đầu tư đều được tiêu dùng trung gian bởi các chức năng năng lực hấp thụ (GK và GH) để xác định tỷ lệ của mỗi loại có thể được chuyển đổi hiệu quả nhờ tăng vốn vật chất và vốn con người. Sự mở rộng của nguồn vốn vật chất và con người sẽ giúp tăng sản lượng trong giai đoạn tới.

2.1. Hàm sản xuất Cobb-Douglass

$$Y_t = K_t^\alpha H_t^\beta (A_t L_t)^{1-\alpha-\beta}$$

Trong đó: Y_t là sản lượng; K_t là vốn vật chất; H_t là vốn con người; A_t là ảnh hưởng của công nghệ, L_t là lao động thô; α và β là cổ phần tăng trưởng của vốn vật chất và vốn con người [2].

Hàm sản xuất Cobb-Douglass và sự thay đổi về kỹ thuật làm tăng hiệu quả của lao động. Những giả định này được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu tăng trưởng, vì chúng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hành vi tăng trưởng. Các nghiên cứu gần đây cho rằng một đặc tả thích hợp cho chức năng sản xuất là độ co giãn của sự thay thế liên tục (CES) [2]. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng cho thấy rằng ngay cả trong ngắn hạn chức năng sản xuất là CES, về lâu dài nó sẽ giống một chức năng Cobb-Douglass với hiệu quả theo quy mô. Việc đo lường và ước tính các biến số và tham số trong chức năng này thể hiện một số tính năng cụ thể trong trường hợp của các nước đang phát triển, mà tác giả sẽ trình bày sau đây.

2.2. Đo lường vốn

Sử dụng 2 phương pháp để ước tính lượng vốn tái sản xuất (tức là không phải là tự nhiên và không phải con người): đánh giá vốn thông qua các cuộc điều tra trực tiếp hoặc phương pháp kiểm kê gián tiếp vĩnh viễn (PIM). Thực hiện phương pháp đầu tiên sẽ tốn kém hơn. Hơn nữa, nếu không có thông tin thị trường chính xác về giá thuê và giá cũ, vẫn chưa rõ liệu các cuộc điều tra có chính xác hơn các thủ tục gián tiếp. Do đó, PIM là phương pháp được hầu hết các nước và các nhà nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) thông qua để ước tính trữ lượng vốn [3]. Về cơ bản, PIM lập luận rằng tích lũy vốn là sự tích tụ của dòng đầu tư trong quá khứ.

$$K_t = \sum_{i=0}^{t-1} I_{k,t-i} (1 - \delta_k)(1 - \delta_k)^i + K_0(1 - \delta_k)^t \quad (2.1)$$

Trong đó: K_t là tổng giá trị tài sản cố định trong năm t , I_{kt} là giá trị đầu tư theo giá cố định, δ_k là tỷ lệ khấu hao vốn, và K_0 là vốn ban đầu của vốn. PIM yêu cầu dữ liệu về thời gian sử dụng tài sản hoặc giai đoạn tích lũy và mẫu khấu hao. Thật khó là dữ liệu về tỷ lệ khấu hao rất ít và chỉ có ở một số quốc gia.

Ngân hàng Thế giới đã nghiên cứu 152 nước phát triển và đang phát triển được tính là giá trị chiết khấu của một dòng tiêu thụ 25 năm. Theo đó, các vốn vật chất (máy móc, thiết bị và cấu trúc) được ước tính bằng cách sử dụng PIM. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng thời kỳ tích lũy (hoặc thời gian phục vụ) là 20 năm, để tránh những vấn đề so sánh, không sử dụng số liệu về vốn ban đầu [3]. Ngoài ra, mô hình khấu hao được giả định là $\delta_k = 0,05$, không đổi giữa các quốc gia và theo thời gian [3].

2.3. Đo lường và vốn con người

Các nguồn lực dân số và tốc độ tăng trưởng có thể dễ dàng nhận được từ các nguồn tin quốc gia hoặc từ các tổ chức quốc tế như Ủy ban Dân số của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, để làm cho mô hình tăng trưởng của chúng ta hoạt động, cùng với nguồn vốn đầu tư ban đầu,

xác định nguồn vốn con người ban đầu là cần thiết. Việc đo lường giá trị vốn con người đòi hỏi phải đánh giá được kiến thức có được thông qua giáo dục và kinh nghiệm tích lũy. Nói chung, có rất ít số liệu thống kê chính thức đề cập đến nguồn vốn con người.

2.4. Đo lường lao động

Tổng số lao động và vốn con người với chức năng sản xuất có thể được ước tính trực tiếp từ dữ liệu Tài khoản quốc gia, với giả thiết rằng các sản phẩm xã hội có thể được đo bằng giá nhân tố quan sát được. Trên thực tế, các số liệu này được báo cáo trong một phần của tài khoản thu nhập quốc gia và tài khoản sản phẩm (NIPA).

2.5. Đo lường tiến bộ công nghệ

Nói chung, nếu không có khả năng đo lường tiến bộ kỹ thuật trực tiếp, tốc độ tăng trưởng của công nghệ được đo lường "gián tiếp" như tốc độ tăng trưởng GDP mà không thể tính bằng sự tăng trưởng của đầu vào có thể quan sát, nghĩa là "phần dư của tăng trưởng". Phương pháp tính hạch toán tăng trưởng cho phép phân tích tăng trưởng quan sát của GDP thành các thành phần liên quan đến sự thay đổi các yếu tố đầu vào và trong công nghệ sản xuất. Các vấn đề cơ bản của kế toán tăng trưởng đã được Solow trình bày [4]. Tốc độ tăng trưởng của sản lượng có thể được phân chia thành các thành phần gắn liền với sự tích lũy yếu tố và tiến bộ công nghệ. Đối với một mô hình đơn giản có 2 yếu tố (lao động và vốn vật chất), phương trình hạch toán tăng trưởng có thể được viết như sau:

$$\frac{\Delta Y}{Y} = \alpha \frac{\Delta K}{K} + \beta \frac{\Delta L}{L} + T \quad (2.2)$$

Trong đó: Y là GDP thực, K là vốn, L là lực lượng lao động, α là tỷ lệ vốn đầu ra, β là tỷ trọng lao động trong sản lượng, và T là tổng năng suất tổng hợp. Do đó, việc tính toán tăng trưởng liên quan đến việc tính toán các yếu tố này đã được mô tả trước đây, trong khi tỷ lệ tăng trưởng của GDP và các yếu tố đầu vào có thể được tính toán theo thống kê. Sau đó, đóng góp của tiến bộ công nghệ vào tăng trưởng có thể được tính từ phương trình (2.2) như là một "dư" hoặc sự khác biệt giữa tốc độ tăng trưởng thực tế của GDP và phần của tốc độ tăng trưởng có thể được "chiếm" bởi tốc độ tăng trưởng của vốn và lao động.

Các ứng dụng của phương pháp hạch toán tăng trưởng sử dụng tổng trọng số của tốc độ tăng trưởng vốn và tốc độ tăng trưởng lao động. Các trọng số bằng các cổ phần của mỗi đầu vào trong tổng thu nhập và thường được cho là không đổi theo thời gian. Sự trừ đi của tổng trọng số của các tốc độ tăng trưởng đầu vào từ tốc độ tăng trưởng của tổng sản lượng sau đó cho kết quả ước tính tốc độ tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP). Trong trường hợp của châu Á, tốc độ tăng trưởng (TFP) giai đoạn 1966-1990, khoảng 0,2% (Singapore) và 2,6% (Đài Loan) [5].

2.6. Hạn chế khi vận dụng

Tác giả đã trình bày một mô hình tăng trưởng kinh tế mở nhỏ để nắm bắt các tương tác động và hoạt động chuyển tiếp trong các biến số dòng chảy như đầu ra, đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu ròng và các biến số chứng khoán như vốn vật chất, vốn con người và nợ nước ngoài. Nhưng do số liệu thực tế việc áp dụng mô hình còn nhiều hạn chế, như: Số liệu về vốn con người chưa thu thập được. Vì thế, trong tính toán cụ thể vẫn phải đơn giản hóa việc áp dụng mô hình này.

3. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2010-2016

Cùng với sự phát triển chung của đất nước thời kỳ đổi mới, tỉnh Bình Định đã đạt được những thành tựu về kinh tế đáng khích lệ, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 2000-2010 đạt 10,01%; 2010-2016 giảm chỉ đạt 6,13%. Trong sự phát triển đó, nền kinh tế của

tỉnh Bình Định vẫn còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế bền vững. Bài viết này sẽ phân tích tăng trưởng kinh tế Bình Định giai đoạn 2010-2016 nhằm cung cấp cho độc giả bức tranh về tăng trưởng kinh tế của Tỉnh. Bài viết sử dụng các số liệu của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Bình Định.

3.1. Thực trạng tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2010-2016

3.1.1. Tăng trưởng chung của nền kinh tế

Từ năm 1990 kinh tế Bình Định nằm trong quỹ đạo chung của sự phát triển kinh tế cả nước, bắt đầu có thay đổi đáng kể là kết quả tất yếu của công cuộc đổi mới. Tỷ lệ tăng trưởng khá: giai đoạn 1990- 2000 đạt 7,65%; giai đoạn 2000-2010 đạt 10,01%; giai đoạn 2010-2016 đạt 6,13%. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng GDP của Bình Định tương đối cao so với cả nước nhưng giai đoạn 2010-2016 có xu hướng giảm (thấp hơn bình quân cả nước).

Bảng 1. Tăng trưởng GDP của Bình Định và cả nước (đơn vị: %)

Năm	1990-2000	2000-2010	2010-2016
Bình Định	7,65	10,01	6,13
Việt Nam	7,56	7,26	6,17

Nguồn: Niên giám thống kê -TCTK, Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

Giai đoạn 2010-2016, chịu ảnh hưởng suy thoái của kinh tế toàn cầu nên mức tăng trưởng kinh tế Bình Định thấp hơn giai đoạn 2000-2010, mức tăng trung bình chỉ đạt 6,13%, thấp hơn mức trung bình cả nước (6,17%). Theo nghiên cứu, có 2 nguyên nhân: một là cách tính GDP địa phương từ năm 2010 có sự thay đổi; hai là giai đoạn này kinh tế toàn cầu bị suy thoái nên kinh tế Bình Định cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bình Định là tỉnh nghèo, thu nhập bình quân đầu người vẫn thấp, năm 2016 cả nước đạt 53,34 triệu đồng/người theo giá thực tế, Bình Định đạt 38,39 triệu đồng/người (bằng 72% mức bình quân của cả nước) [6, 7]. Vì vậy, tốc độ tăng trưởng thấp sẽ là trở ngại lớn để Bình Định đuổi kịp các địa phương khác.

3.1.2. Tăng trưởng đối với các nhóm ngành trong nền kinh tế

3.1.2.1. Ngành công nghiệp - xây dựng

Đối với nhóm ngành công nghiệp, Bình Định có mức tăng trưởng GDP khá nhất. Mặc dù suy thoái kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến một số ngành công nghiệp của Bình Định như sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, đá xây dựng, nhưng ngành công nghiệp xây dựng vẫn có tốc độ tăng trung bình 9% - đó là lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế chung.

Bảng 2. Tăng trưởng GDP của các nhóm ngành Bình Định (đơn vị: %)

Năm	2005-2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2010-2016
Nông nghiệp	4,7	6,3	6,1	-0,3	4,27	7,57	4,27	4,6
Công nghiệp	9,6	14,2	8,8	6,7	7,02	7,05	9,1	9,0
Dịch vụ	13,85	9,8	10,2	1,4	4,8	3,5	6,8	4,9
GDP	10,75	9,8	8,4	5,2	7,02	5,2	6,6	6,13

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

Nét đặc biệt trong giai đoạn 2010-2016 là tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành dịch vụ của Bình Định đã giảm sút mạnh từ 13,85% (giai đoạn 2005-2010) xuống chỉ còn 4,9% (giai đoạn 2010-2016). Đây phải chăng là một trong những nguyên nhân chính làm tăng trưởng Bình Định chậm lại.

Bảng 3. Cơ cấu GDP của các nhóm ngành Bình Định (đơn vị: %)

Năm	2010	2013	2014	2015	2016
Nông nghiệp	29	27,5	27,8	29	28,4
Công nghiệp	25,4	28,6	28,6	29,1	29,8
Dịch vụ	40,1	38,7	37,9	37,3	37,4
Nông nghiệp Việt Nam	18,38	17,96	17,7	17,0	16,32

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

3.1.2.2. Ngành nông - lâm - thủy sản

Bình Định là tỉnh có địa hình và khí hậu không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, thường hay gặp bão lũ, nên nền nông nghiệp thường bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì thế, GDP nông - lâm - thủy sản thường biến động rất lớn. Mặc dù vậy, ngành nông - lâm - thủy sản của Bình Định phát triển tương đối khá, tăng trưởng trung bình giai đoạn 2010-2016 vẫn đạt mức 4,6%/năm. Tuy nhiên, cơ cấu nhóm ngành này giảm chậm cũng góp phần làm kinh tế của tỉnh chậm phát triển.

3.2. Đánh giá tác động của các yếu tố đầu vào đến tăng trưởng

Tăng trưởng GDP thông thường được đánh giá do đóng góp của 3 yếu tố: vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Trong phạm vi bài viết này, tác giả đi sâu phân tích 2 yếu tố là vốn và lao động ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế Bình Định.

3.2.1. Yếu tố vốn

Vốn đầu tư phát triển xã hội giai đoạn 2010-2016 tăng cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng đã tạo nguồn lực cho phát triển sản xuất. Nhìn chung, vốn đầu tư đóng vai trò chủ yếu và ngày càng tăng trong nền kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Vì xét về dài hạn, đầu tư là nhân tố chính tạo ra quá trình tăng trưởng của tỉnh.

Bảng 4. Vốn đầu tư phát triển của tỉnh Bình Định (giá 2010)

Giai đoạn	Tổng số (tỷ đồng)	Chia theo nguồn vốn (tỷ đồng)		
		Vốn nhà nước	Vốn ngoài nhà nước	Vốn đầu tư nước ngoài
Cơ cấu				
2010	100	28,9	61,9	2,0
2013	100	27,8	66,2	6,0
2014	100	29,4	68,9	1,7
2015	100	28,8	68,4	2,8
2016	100	27,5	70,3	2,2
Tốc độ phát triển bình quân hàng năm (%)				
2006-2010	119,3	108,2	128,0	123,4
2010	101,7	68,3	126,6	138,4
2013	116,6	114,6	117,1	124,5
1014	110,6	145,4	100,9	27,9
2015	110,1	108,1	110,7	182,4
2016	109,8	104,8	112,1	83,9
2010-2016	115,3	114,8	116,0	76,2

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

Bình Định còn gặp nhiều khó khăn về tăng trưởng kinh tế: cơ sở hạ tầng yếu kém; thiên tai bão lụt thường xảy ra gây nhiều thiệt hại về kinh tế-xã hội. Vì vậy, để phát triển kinh tế-xã hội, tỉnh Bình Định cần nguồn đầu tư rất lớn. Vận dụng các cơ chế chính sách của nhà nước, các cấp chính quyền địa phương đã nỗ lực huy động mọi nguồn đầu tư năm sau cao hơn năm trước và tăng khá trong vài năm trở lại đây. Tổng vốn đầu tư xã hội thực hiện trong giai đoạn 2010-2016 có mức tăng trung bình là 15,3% (giai đoạn 2006-2010 tăng 19,3%). Trong sự giảm sút vốn đầu tư thì vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước giảm từ 28% xuống còn 16%, tốc độ tăng vốn đầu tư của khu vực FDI từ 23,4% trở thành -23,8%. Sự suy giảm này chắc chắn là nguyên nhân chính dẫn đến sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế Bình Định.

Bảng 5. Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP

Năm	Vốn đầu tư/GDP (Bình Định)	Vốn đầu tư/GDP (Việt Nam)
2010	0,381299	0,419
2013	0,432599	0,305
2014	0,447064	0,31
2015	0,467835	0,326
2016	0,482017	0,317

Nguồn: Niên giám thống kê -TCTK, Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

Tỷ lệ vốn đầu tư trên GDP của Bình Định giai đoạn 2010-2016 có xu hướng tăng, thể hiện vai trò chủ yếu trong tăng trưởng kinh tế của Bình Định là vốn. So với cả nước, nhìn chung, tỷ lệ đầu tư /GDP của Bình Định còn cao, chứng tỏ hiệu quả của đầu tư thấp hơn so với mức trung bình của cả nước.

Đối với Bình Định, việc thu hút đầu tư nước ngoài vẫn gặp rất nhiều khó khăn, cho nên ảnh hưởng của khu vực kinh tế này đối với kinh tế Bình Định còn rất nhỏ. Mặc dù tỷ trọng nguồn vốn của nhà nước có giảm so với thời kỳ trước nhưng nó vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định.

3.2.2. Yếu tố lao động

Với dân số 1,525 triệu người và khoảng 916,6 ngàn lao động (năm 2016), Bình Định là tỉnh có nguồn nhân lực dồi dào, hàng năm lao động của Bình Định còn di chuyển đến một số thành phố phía nam để lập nghiệp và lao động theo thời vụ.

Bảng 6. Lao động đang làm việc chia theo khu vực kinh tế

Năm	Tổng lao động (nghìn người)	Cơ cấu (%)			
		Nông - lâm - thủy sản	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ	Tổng số
2010	870,6	58,3	19,3	22,4	100
2013	892,4	51,9	20,9	27,2	100
2014	906,4	50,2	21,9	27,9	100
2015	911,0	50,2	21,9	27,9	100
2016	916,6	50,2	21,9	27,9	100

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

Tỉnh Bình Định có lực lượng lao động dồi dào, nhưng chủ yếu là lao động nhóm ngành nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng lớn (trên 50%). Từ đây cũng có thể nhận định bước đầu là yếu tố số lượng lao động của Bình Định làm cho năng suất lao động thấp và tăng trưởng kinh tế chậm.

Bảng 7. Tốc độ phát triển lao động các ngành kinh tế Bình Định (Đơn vị: %)

Năm	Tổng số	Nông-lâm-thủy sản	Công nghiệp-xây dựng	Dịch vụ
2001-2005	1,021	1,0105	1,0855	1,082
2006-2010	1,0183	0,986	1,0644	1,0434
2010-2016	1,0086	0,994	1,0117	1,0371

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định

Một điều lý thú là từ năm 2007 số lượng lao động trong khu vực nông - lâm - thủy sản giảm về số tuyệt đối, như vậy cũng có nghĩa là năng suất lao động khu vực này có bước chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng lao động đang làm việc tại tỉnh thấp cho thấy nhu cầu lao động tăng chậm (sản xuất không phát triển). Từ đó, có thể nhận định là yếu tố lao động của Bình Định ảnh hưởng ít đến tăng trưởng kinh tế.

Sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglass: Từ phương trình (2.2) và các số liệu trong Niên giám thống kê Bình Định, xác định được mức độ đóng góp của các nhân tố tới tăng trưởng như trong bảng sau (%):

Bảng 8. Mức độ đóng góp của các nhân tố cho tăng trưởng kinh tế của Bình Định (đơn vị: %)

	gGDP	gK	gL	Dg K	Dg L	Dg TFP
1995-2000	8,15	20,88	1,58	101,83	11,69	-13,52
2000-2005	9,4	17,25	2,43	72,9	15,59	11,5
2005-2010	10,75	13,21	1,48	48,83	8,32	42,85
2010-2016	6,13	11,81	0,86	76,56	8,47	14,96
1995-2016	8,48	15,54	1,55	72,88	11,05	16,08

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định và tính toán của tác giả

Trong đó: Dg là đóng góp; g là tăng trưởng.

Kết quả tính toán được ở Bảng 8 cho thấy tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định giai đoạn 2010-2016 vẫn chủ yếu phụ thuộc vào vốn. Đóng góp của các nhân tố cho tăng trưởng: đóng góp của vốn 76,56%; đóng góp của lao động 8,47%; đặc biệt đóng góp TFP còn rất khiêm tốn 14,96%, thể hiện rất rõ tăng trưởng kinh tế của Bình Định thời gian vừa qua chủ yếu là theo chiều rộng.

3.3. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2010-2016, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và tăng trưởng kinh tế Bình Định. Kinh tế của cả nước chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của suy thoái kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2012 đạt 5,25% là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 1991. Chịu ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế, kinh tế Bình Định đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, trung bình giai đoạn 2010-2016 chỉ đạt 6,13% - là giai đoạn tăng trưởng thấp nhất so với các giai đoạn trước.

3.3.1. Những thành tựu chính về tăng trưởng kinh tế Bình Định thời kỳ 2010-2016

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá 6,13%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 9%/năm, dịch vụ tăng 4,9%/năm, nông- lâm- thủy sản 4,6% năm, nhưng thấp hơn trung bình cả nước (6,17%). Đây là vấn đề đáng lo ngại vì tỉnh Bình Định có xuất phát điểm rất thấp (thu nhập bình quân đầu người năm 2016 bằng 72% thu nhập bình quân Việt Nam).

Thành phần kinh tế ngoài nhà nước phát triển tốt ngày càng đóng góp nhiều vào tỷ trọng cũng như tốc độ tăng trưởng chung.

Ngành dịch vụ có mức độ đóng góp khá tuy nhiên tốc độ tăng chậm.

3.3.2. Những rào cản trong phát triển kinh tế Bình Định

Tăng trưởng kinh tế của Bình Định vẫn chủ yếu phụ thuộc vào vốn, trong khi nguồn vốn FDI còn rất hạn hẹp, vốn ngoài nhà nước còn khiêm tốn, việc cấp vốn nhà nước gặp nhiều khó khăn.

Cơ cấu kinh tế chuyển biến quá chậm, tỷ trọng nông - lâm - thủy sản còn lớn, chưa phát huy hết lợi thế so sánh về kinh tế của tỉnh.

Vai trò của khoa học công nghệ đối với tăng trưởng còn quá thấp.

Giao thông giữa Bình Định và các vùng kinh tế lớn của cả nước tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng vẫn tiếp tục là trở ngại lớn trong phát triển kinh tế của tỉnh.

4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bối cảnh mới

Klaus Schwab, người sáng lập và chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế Thế giới, mang đến cái nhìn đơn giản hơn về Cách mạng Công nghiệp 4.0: “Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần 2 diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần 3 sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc Cách mạng Công nghiệp Thứ 4 đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần 3, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học” [8].

Theo Klaus Schwab, Cách mạng Công nghiệp (CMCN) 4.0 sẽ diễn ra trên 3 lĩnh vực chính gồm: Công nghệ sinh học, Kỹ thuật số và Vật lý. Những yếu tố cốt lõi của Kỹ thuật số trong CMCN 4.0 sẽ là: Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT) và dữ liệu lớn (Big data). Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, CMCN 4.0 tập trung vào nghiên cứu để tạo ra những bước nhảy vọt trong nông nghiệp, thủy sản, y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, hóa học và vật liệu. Trong lĩnh vực Vật lý với robot thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái, các vật liệu mới (graphene, skyrmions...) và công nghệ nano.

Hiện CMCN 4.0 đang diễn ra tại các nước phát triển như Mỹ, châu Âu, một phần châu Á. Bên cạnh những cơ hội mới, CMCN 4.0 cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt. Bình Định cũng như nhiều địa phương trong cả nước, với cuộc cách mạng lần 3 cũng vẫn còn nhiều việc chưa làm được, cho nên cần phải có nhiều nỗ lực vượt trội để theo kịp cả nước và thế giới.

Một số đề xuất cho tăng trưởng kinh tế Bình Định

Như đã phân tích ở phần 2, tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định vẫn chủ yếu phụ thuộc vào vốn, đóng góp của công nghệ còn rất khiêm tốn.

Để có thể tiếp tục duy trì và nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, Bình Định phải tận dụng tốt sức mạng của các cuộc cách mạng công nghiệp đặc biệt là cách mạng 4.0. Từ các phân tích trên và dựa vào điều kiện thực tế của tỉnh Bình Định, xin đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Tiếp tục có những chính sách thu hút vốn đầu tư cho phát triển kinh tế của tỉnh. Ngoài việc kêu gọi các nguồn vốn nói chung, nên có chính sách cụ thể kêu gọi các doanh nhân người Bình Định đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong tỉnh. Bình Định nên ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ mới: Tự động hóa sản xuất, trang bị công nghệ mới cho đánh bắt và chế biến thủy sản;

Thứ hai: Tiếp tục củng cố phát triển hệ thống giáo dục và y tế, tạo điều kiện cho các trường Đại học, cao đẳng, các bệnh viện ở Bình Định phát triển. Các cơ sở này không những phục vụ tốt cho địa phương và các tỉnh Tây Nguyên, mà còn là những cực thu hút nhân lực, các nguồn lực kinh tế và tạo vị thế cho tỉnh Bình Định đáp ứng yêu cầu của cách mạng 4.0 một cách tốt nhất;

Thứ ba: Tập trung hoàn thiện cơ chế, thể chế, chính sách, pháp luật theo kịp kinh tế số, công nghiệp thông minh. Ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến: Công nghệ kỹ thuật số hóa, tự động hóa phát triển;

Thứ tư: Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ: giao thông, công nghệ thông tin,... trong đó, công nghệ thông tin và hạ tầng thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hạ tầng đồng bộ. Nhanh chóng xóa bỏ rào cản về khoảng cách giữa Bình Định và các khu vực kinh tế lớn của cả nước và khu vực;

Thứ năm: Ưu tiên phát triển logistics hiện đại gắn với cảng biển, tạo điều kiện phát triển hệ thống cảng biển của tỉnh một cách đồng bộ. Một mặt tận dụng được sự đầu tư giúp đỡ của chính phủ, mặt khác tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hàng hóa xuất nhập tại các cảng của Bình Định, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, nhất là trong điều kiện cách mạng 4.0, hàng hóa nói riêng kinh tế nói chung không còn biên giới tỉnh (quốc gia).

Thứ sáu: Tăng cường công tác quy hoạch, kết nối các điểm du lịch: Lịch sử, tâm linh và du lịch biển. Phát triển mạng lưới du lịch hòa với các khu du lịch của vùng tạo ra chuỗi du lịch miền Trung ấn tượng, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế;

Thứ bảy: Phát triển các làng nghề truyền thống, sản xuất ra các sản phẩm đậm nét của Bình Định: đồ gỗ, bánh tráng, rượu Bàu Đá. Nâng tầm các sản phẩm này, để có thể mở rộng thị trường và tạo việc làm, thu nhập cho lao động nông nhà trên địa bàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agenor P., Montiel P. - Development macroeconomics, 3rd Ed., Princeton University Press, 2008, p.603.
2. Acemoglu D. - Labor- and capital- augmenting technical change, Journal of the European Economic Association **1** (1) (2003) 1-37.
3. World Bank - The changing wealth of nations: measuring sustainable development in the new millennium, Washington D.C. (2011) p.95.
4. Solow R. M. - Technical change and the aggregate production function, Review of Economics and Statistics **39** (3) (1957) 312–320.
5. Young A. - The tyranny of numbers: Confronting the statistical realities of the East Asian growth experience, The Quarterly Journal of Economics **110** (3) (1995) 641-680.
6. Cục thống kê Bình Định - Niên giám thống kê 1992-2016, NXB Thống kê.
7. Thời báo kinh tế Việt Nam, Kinh tế 2015-2016 Việt Nam và thế giới, NXB Hồng Đức, tr.93.
8. <https://news.zing.vn/cach-mang-cong-nghiep-40-la-gi-post750267.html>.

ABSTRACT

ECONOMIC GROWTH OF BINH DINH PROVINCE AND IMPLEMENTATION OF GROWTH IN NEW CONDITION

Nguyen Duy Thuc*

Ho Chi Minh City University of Food Industry

*Email: duythucdhqn@gmail.com

Rapid and sustainable economic growth is the goal of all countries and regions in the world. Especially, for poor and low-income countries like Vietnam, economic growth is also a vital target. This paper analyzes the economic growth of Binh Dinh province during the period 2010-2016, mainly depending on capital, the contribution of technology is very modest. This study also proposes seven economic growth solutions for Binh Dinh province in the context of Industry 4.0.

Keywords: Economy, economic growth, model, Binh Dinh province, industry 4.0.